

Số: 2148496

|                                            | Kia Sorento 2.2D Signature (6 chỗ) Nội thất nâu | Peugeot 408 Premium   |
|--------------------------------------------|-------------------------------------------------|-----------------------|
| <b>Giá niêm yết:</b>                       | <b>1.209.000.000đ</b>                           | <b>1.119.000.000đ</b> |
| <b>KÍCH THƯỚC - KHỐI LƯỢNG:</b>            |                                                 |                       |
| Kích thước tổng thể (mm)                   | 4810 x 1900 x 1700                              | 4687 x 1850 x 1510    |
| Chiều dài cơ sở (mm)                       | 2815                                            | 2787                  |
| Bán kính quay vòng tối thiểu (mm)          | 5780                                            |                       |
| Khoảng sáng gầm xe (mm)                    | 176                                             | 189                   |
| Khối lượng không tải (kg)                  | 1890   1860                                     | 1450                  |
| Khối lượng toàn tải (kg)                   | 2430   2490                                     | 1900                  |
| Thể tích khoang hành lý (L)                | 357                                             | 536                   |
| Dung tích thùng nhiên liệu (L)             | 67                                              | 52                    |
| Số chỗ ngồi                                | 6                                               | 5                     |
| Nguồn gốc                                  | SX-LR trong nước                                | SX-LR trong nước      |
| <b>DẪN ĐỘNG - KHUNG GẮM:</b>               |                                                 |                       |
| Loại động cơ                               | Smartstream D2.2                                | 1,6 Turbo PureTech    |
| Dung tích xi lanh (cc)                     | 2151                                            | 1598                  |
| Công suất cực đại (hp @ rpm)               | 198/3800                                        | 218 / 5500            |
| Mômen xoắn cực đại (Nm @ rpm)              | 440/1750-2750                                   | 300 / 2000            |
| Hộp số                                     | 8-DCT                                           | 8AT                   |
| Hệ thống dẫn động                          | 2 cầu (AWD)                                     | Cầu trước (FWD)       |
| Hệ thống treo trước                        | McPherson                                       | Độc lập Mc Pherson    |
| Hệ thống treo sau                          | Liên kết đa điểm                                | Bán Độc Lập           |
| Hệ thống phanh trước                       | Đĩa                                             | Đĩa                   |
| Hệ thống phanh sau                         | Đĩa                                             | Đĩa                   |
| Thông số lốp xe                            | 235/55R19                                       | 225/55 R18            |
| Tiêu thụ nhiên liệu đô thị (L/100km)       | 7.4                                             | 9.2                   |
| Tiêu thụ nhiên liệu ngoài đô thị (L/100km) | 5.3                                             | 5.7                   |
| Tiêu thụ nhiên liệu hỗn hợp (L/100km)      | 6.1                                             | 7                     |
| Chế độ lái                                 | Comfort/Eco/Sport/Smart                         | Eco/Normal/Sport      |
| Chế độ địa hình                            | Snow/Mud/Sand/Terrain Mode                      | -                     |
| <b>NGOẠI THẤT:</b>                         |                                                 |                       |
| Cụm đèn trước                              | LED Projector                                   | LED                   |
| Đèn trước tự động chiếu xa/chiếu gần       | ●                                               | ●                     |
| Đèn ban ngày LED                           | ●                                               | ●                     |
| Đèn sương mù                               | LED                                             | -                     |
| Cụm đèn sau                                | LED                                             | LED                   |
| Gương chiếu hậu chỉnh điện, gập điện       | ●                                               | ●                     |
| Gạt mưa tự động                            | ●                                               | ●                     |
| Cửa sổ trời                                | ●                                               | -                     |
| <b>NỘI THẤT - TIỆN NGHI:</b>               |                                                 |                       |
| Vô lăng bọc da                             | ●                                               | ●                     |
| Chất liệu ghế                              | Da (nâu)                                        | Da Claudia            |
| Ghế người lái chỉnh điện                   | ●                                               | ●                     |
| Ghế người lái có nhớ vị trí                | ●                                               | -                     |
| Ghế hành khách phía trước chỉnh điện       | ●                                               | ●                     |

|                                          |                                              |             |
|------------------------------------------|----------------------------------------------|-------------|
| Hàng ghế trước có tính năng làm mát      | ●                                            | -           |
| Hàng ghế trước có tính năng sưởi         | ● (+ sưởi hàng ghế 2, vô lăng)               | -           |
| Kính cửa sổ chỉnh điện                   | ●                                            | ●           |
| Màn hình đồng hồ đa thông tin            | 12.3"                                        | Digital 10  |
| Màn hình HUD                             | ●                                            | -           |
| Màn hình giải trí trung tâm              | AVN 10.25"                                   | Digital 10  |
| Kết nối Apple Carplay/Android Auto       | ●                                            | ●           |
| Hệ thống điều hòa tự động                | ●                                            | ●           |
| Số vùng khí hậu điều hòa                 | 2 vùng                                       | 2           |
| Cửa gió cho hàng ghế sau                 | ●                                            | ●           |
| Chìa khóa thông minh                     | ●                                            | ●           |
| Khởi động nút bấm                        | ●                                            | ●           |
| Khởi động từ xa                          | ●                                            | -           |
| Hệ thống âm thanh                        | 12 loa Bose                                  | 6 loa       |
| Lấy chuyển số                            | ●                                            | ●           |
| Sạc không dây Qi                         | ●                                            | ●           |
| Phanh đỗ điện tử                         | ●                                            | ●           |
| Giữ phanh tự động Autohold               | ●                                            | -           |
| Đèn trang trí nội thất                   | ●                                            | -           |
| Rèm che nắng                             | ●                                            | -           |
| Móc khóa ghế trẻ em ISOFIX               | -                                            | ●           |
| <b>AN TOÀN:</b>                          |                                              |             |
| Số túi khí                               | 6                                            | 6           |
| Hệ thống chống bó cứng phanh ABS         | ●                                            | ●           |
| Hệ thống phân phối lực phanh EBD         | ●                                            | ●           |
| Hệ thống cân bằng điện tử                | ●                                            | ●           |
| Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc HLA  | ●                                            | ●           |
| Mã hóa chống sao chép chìa khóa          | ●                                            |             |
| Hệ thống cảnh báo chống trộm             | ●                                            |             |
| Cảm biến hỗ trợ đỗ xe                    | Trước & Sau                                  | Trước & sau |
| Hệ thống cảnh báo điểm mù                | ● (+ hỗ trợ tránh va chạm, hiển thị điểm mù) | ●           |
| Hệ thống hỗ trợ giữ làn đường            | ●                                            | ●           |
| Hệ thống hỗ trợ phanh chủ động           | ●                                            | ●           |
| Hệ thống điều khiển hành trình thích ứng | ●                                            | ●           |
| Hệ thống cảnh báo áp suất lốp            | ●                                            | ●           |
| Camera lùi                               | Camera 360                                   | ●           |